

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG MƯỜI HAI, QUÝ IV VÀ NĂM 2025

Giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2025 tăng 0,19% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng Mười Hai tăng 3,48%. CPI bình quân quý IV/2025 tăng 3,44% so với quý IV/2024. Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

I. TỔNG QUAN

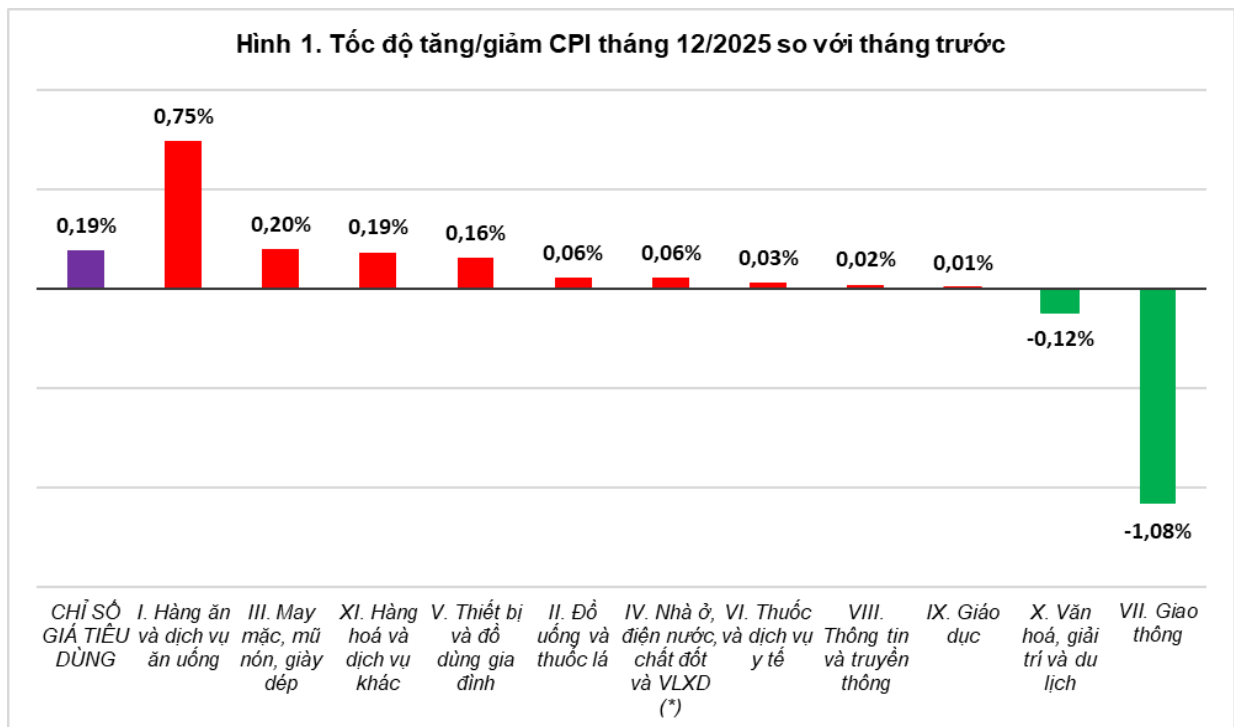
Năm 2025, kinh tế thế giới và thị trường hàng hóa toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, chịu tác động đan xen của cạnh tranh chiến lược giữa các trung tâm kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Xu hướng bảo hộ thương mại không chỉ dừng lại ở các biện pháp thuế quan mà còn mở rộng sang những lĩnh vực then chốt như công nghệ cao, chuỗi cung ứng chiến lược và an ninh kinh tế. Cùng với đó, xung đột quân sự Nga - Ukraine kéo dài, những bất ổn chính trị tại khu vực Trung Đông tiếp tục làm gián đoạn nguồn cung năng lượng, lương thực toàn cầu, góp phần làm tăng trưởng kinh tế thế giới duy trì ở mức thấp và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt nhưng không đồng đều giữa các khu vực. Tại Mỹ, lạm phát tháng 11/2025 tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất trong nhiều tháng. Trước bối cảnh lạm phát tiệm cận mục tiêu đề ra trong khi rủi ro suy giảm tăng trưởng và thất nghiệp gia tăng, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã điều chỉnh chính sách theo hướng thận trọng; sau quyết định giảm lãi suất ngày 29/10/2025, biên độ lãi suất điều hành được đưa về mức 3,75%-4% vào cuối năm. Trong tháng 11/2025, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước; Tây Ban Nha tăng 3%; Đức tăng 2,3%; Italia tăng 1,1%; Pháp tăng 0,9%. Tại châu Á, lạm phát tháng 11/2025 của Ấn-đô-nê-xi-a tăng 2,7%; Hàn Quốc tăng 2,4%; Phi-lip-pin tăng 1,5%; Trung Quốc tăng 0,7%. Ở chiều ngược lại, Thái Lan giảm 0,5%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 12/2025 tăng 3,48% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2025, Chính phủ tiếp tục kiên định mục tiêu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy và thúc đẩy chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Trước những diễn biến phức tạp của thiên tai và biến đổi khí hậu, công tác ứng phó và khắc phục hậu quả được triển khai quyết liệt, kịp thời nhằm ổn định đời sống nhân dân và sớm khôi phục hoạt động sản xuất tại các địa phương bị ảnh hưởng. Song song với đó, các giải pháp vĩ mô được điều hành đồng bộ và linh hoạt, chính sách tiền tệ được thực hiện hợp lý, thị trường ngoại hối duy trì ổn định, mặt bằng lãi suất được hỗ trợ giảm, đầu tư công được đẩy mạnh. Đặc biệt, Chính phủ chú trọng điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý theo lộ trình thận trọng; tối ưu hóa chi phí vận chuyển; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực; quản lý chặt chẽ kỳ vọng lạm phát, qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Nhờ đó, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 12/2025

So với tháng trước, CPI tháng 12/2025 tăng 0,19% (khu vực thành thị tăng 0,20%; khu vực nông thôn tăng 0,18%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá, 2 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 12/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,75%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 12/2025 tăng 0,75% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,98%, tác động tăng 0,22 điểm phần trăm; nhóm lương thực tăng 0,55%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,29%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,55%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 12/2025 tăng 0,55% so với tháng trước. Trong đó, chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,46% (Giá gạo tẻ thường tăng 0,41%, gạo tẻ ngon tăng 0,44%, gạo nếp tăng 1,27%, gạo lứt tẻ tăng 0,75%). Giá gạo tăng so với tháng trước do nguồn cung trong nước giảm nhẹ vào cuối vụ, trong khi nhu cầu tiêu dùng và dự trữ phục vụ Tết Nguyên đán tăng.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.700-17.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.600-22.300 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thom chợ Đào từ 22.600-23.800 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.500-39.500 đồng/kg.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng lương thực tháng 12/2025 tăng so với tháng trước như: Giá ngô tăng 2,36%; khoai tăng 2,35%; sắn tăng 2,19%; miến tăng 1,48%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,9%; bánh mì tăng 0,43%; bột mỳ tăng 0,4%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,34%; mì sợi tăng 0,27%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm ngũ cốc khác giảm 0,04%.

1.2. Thực phẩm (+0,98%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 12/2025 tăng 0,98% so với tháng trước, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng vào dịp cuối năm và chuẩn bị Tết Nguyên đán, trong khi nguồn cung một số mặt hàng có xu hướng giảm nhẹ do yếu tố mùa vụ và điều kiện thời tiết. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất và lưu thông vẫn duy trì ở mức cao đã góp phần làm mặt bằng giá thực phẩm tăng trong tháng.

Nhóm thực phẩm chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tháng Mười Hai tăng 3,87% so với tháng trước. Thời tiết chuyển lạnh tại các tỉnh phía Bắc và mưa nhiều cục bộ ở một số vùng trồng rau làm sinh trưởng chậm, giảm sản lượng thu hoạch. Cụ thể, giá cà chua tăng 19,42%; bắp cải tăng 7,02%; đỗ quả tươi tăng 6,67%; rau dăng quả, củ tăng 4,84%; măng tươi tăng 3,63%; rau muống tăng 2,4%; rau chế biến các loại tăng 1,9%; rau gia vị tươi, khô các loại tăng 1,72%.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,62%, trong đó tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 1,1%; thủy sản tươi sống khác tăng 0,54%; cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,38% do nguồn cung hạn chế. Giá thủy sản chế biến tăng 0,43%, trong đó cá khô và chế biến tăng 0,46%; thủy sản chế biến khác tăng 0,4%.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,46% do nhu cầu tiêu dùng cuối năm tăng. Bên cạnh đó, chi phí chăn nuôi, giết mổ, bảo quản và vận chuyển duy trì ở mức cao đã góp phần làm giá tăng. Trong đó, giá thịt gà tăng 0,48%; thịt gia cầm khác tăng 0,33%; thịt gia cầm đông lạnh tăng 0,91%.

- Giá trứng các loại tăng 2,26%, trong đó giá trứng tươi tăng 2,29%; trứng đã chế biến tăng 0,76% do nhu cầu tiêu dùng tăng vào dịp cuối năm trong khi nguồn cung giảm.

- Một số nhóm thực phẩm khác có giá tăng như chè, cà phê, ca cao tăng 0,64%; đồ gia vị tăng 0,53%; đường, mật tăng 0,36%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,05%.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, một số mặt hàng thực phẩm có giá giảm so với tháng trước: Pho mát giảm 0,82%; quả chế biến giảm 0,73%; kem giảm 0,61%; các loại lá để uống khác giảm 0,21%; dầu thực vật giảm 0,05%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,29%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 12/2025 tăng 0,29% so với tháng trước, chủ yếu do giá nguyên liệu lương thực, thực phẩm và dịch vụ tăng. Trong đó, giá ăn ngoài gia đình tăng 0,28%; uống ngoài gia đình tăng 0,26%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,4%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,06%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 12/2025 tăng 0,06% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng vào dịp Giáng sinh và chuẩn bị cho dịp Tết sắp tới, trong khi chi phí nguyên nhiên vật liệu tăng theo tỷ giá, theo đó giá rượu mạnh tăng 0,6%; rượu vang tăng 0,47%; thuốc hút tăng 0,18%; bia lon tăng 0,15%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Mười Hai tăng 0,2% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm quần áo, giày dép tăng vào cuối năm. Trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,19%; may mặc khác tăng 0,21%; dịch vụ may mặc tăng 0,5%; mũ nón tăng 0,46%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,06%)¹

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 12/2025 tăng 0,06% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá gas tăng 2,08%, nguyên nhân là từ ngày 01/12/2025, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,62% do tiền công thợ sơn tường, thợ lát nền, xây tường và lao động phổ thông tăng.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,55% do giá gạch, cát, đá tăng trong khi nhu cầu sửa chữa, xây dựng tăng vào cuối năm.

- Giá nước sinh hoạt tăng 0,2%; giá dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,31% chủ yếu do chi phí nhân công tăng.

- Giá thuê nhà tăng 0,19% do nhu cầu thuê nhà tăng tại một số địa phương.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá điện sinh hoạt giảm 1,68% do nhu cầu sử dụng điện giảm trong điều kiện thời tiết mùa đông.

- Giá dầu hỏa giảm 6,29% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

¹ Trong đó, chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 12/2025 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 11/2025.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 12/2025 tăng 0,16% so với tháng trước do chi phí sản xuất và nhân công tăng. Trong đó, bình nước nóng nhà tắm tăng 0,29% do nhu cầu sử dụng tăng vào mùa lạnh; thiết bị gia đình lớn có động cơ tăng 0,24%; máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 1,03%; nồi điện tăng 0,22%; ấm, phích nước điện tăng 0,19%; đồng hồ treo tường và ghế bàn tăng 0,36%; gương treo tường tăng 0,23%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 12/2025 tăng nhẹ 0,03% so với tháng trước do ảnh hưởng của chi phí sản xuất và phân phối. Trong đó, nhóm thuốc học môn tăng 0,11%; thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm không steroid tăng 0,21%; nhóm vitamin và khoáng chất tăng 0,16%; thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,12%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng và thuốc tim mạch cùng tăng 0,09%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,02%.

7. Giao thông (-1,08%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 12/2025 giảm 1,08% so với tháng trước. Trong đó, chỉ số giá dầu diesel giảm 7,84%; chỉ số giá xăng giảm 2,38% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. Thêm vào đó, giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,26%; giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 0,06%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước:

- Giá vận tải hành khách bằng đường bộ tăng 0,2% và vận tải hành khách bằng taxi tăng 0,02%.

- Giá nhóm phụ tùng tăng 0,26% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng, trong đó giá phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,51%; lốp, săm xe đạp và lốp, săm xe máy cùng tăng 0,37%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,19%.

- Giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,28%, trong đó giá sửa chữa xe máy tăng 0,27% và sửa chữa xe đạp tăng 0,37% do chi phí nhân công tăng.

- Giá xe máy tăng 0,21%; giá xe đạp tăng 0,23% do nhu cầu mua sắm tăng, chi phí nhập khẩu linh kiện, sản xuất và phân phối duy trì ở mức cao.

8. Thông tin và truyền thông (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông tháng 12/2025 tăng 0,02% so với tháng trước. Trong đó, máy vi tính và phụ kiện tăng 0,29%; phụ kiện máy điện thoại tăng 0,19%; máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng tăng 0,11%; thiết bị âm thanh tăng 0,1%.

9. Giáo dục (+0,01%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười Hai tăng 0,01% so với tháng trước. Trong đó, giá dịch vụ giáo dục không phân theo trình độ tăng 0,03% do học phí dạy thêm tăng. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy và bút viết các loại đều tăng 0,1%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,13%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,12%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 12/2025 giảm 0,12% so với tháng trước, chủ yếu do giá sách, báo, tạp chí các loại giảm 0,11%; thiết bị dụng cụ thể thao và đồ chơi cùng giảm 0,03%; thiết bị văn hóa giảm 0,04%. Ở chiều ngược lại, giá khách sạn, nhà khách tăng 0,22%; dịch vụ văn hóa tăng 0,17%; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 0,08%; dịch vụ giải trí tăng 0,03%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 12/2025 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng chủ yếu ở một số mặt hàng như: Giá đồ trang sức tăng 2,71% theo giá vàng thế giới; sửa chữa đồng hồ đeo tay tăng 0,69%; dịch vụ vẽ hiều, hỷ tăng 0,31%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,26%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,25%; hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,04%.

12. Chỉ số giá vàng (+2,18%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 29/12/2025, giá vàng thế giới bình quân ở mức 4.356,45 USD/ounce, tăng 6,18% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất vào năm 2026. Bên cạnh đó, bất ổn kinh tế và địa chính trị toàn cầu, lạm phát tiềm ẩn rủi ro quay trở lại, nhu cầu trú ẩn an toàn của nhà đầu tư cùng với hoạt động mua ròng vàng của các ngân hàng trung ương và quỹ hoán đổi danh mục (ETF) đã góp phần thúc đẩy giá vàng tăng trong tháng 12. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12/2025 tăng 2,18% so với tháng trước; tăng 70,37% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 47,67%.

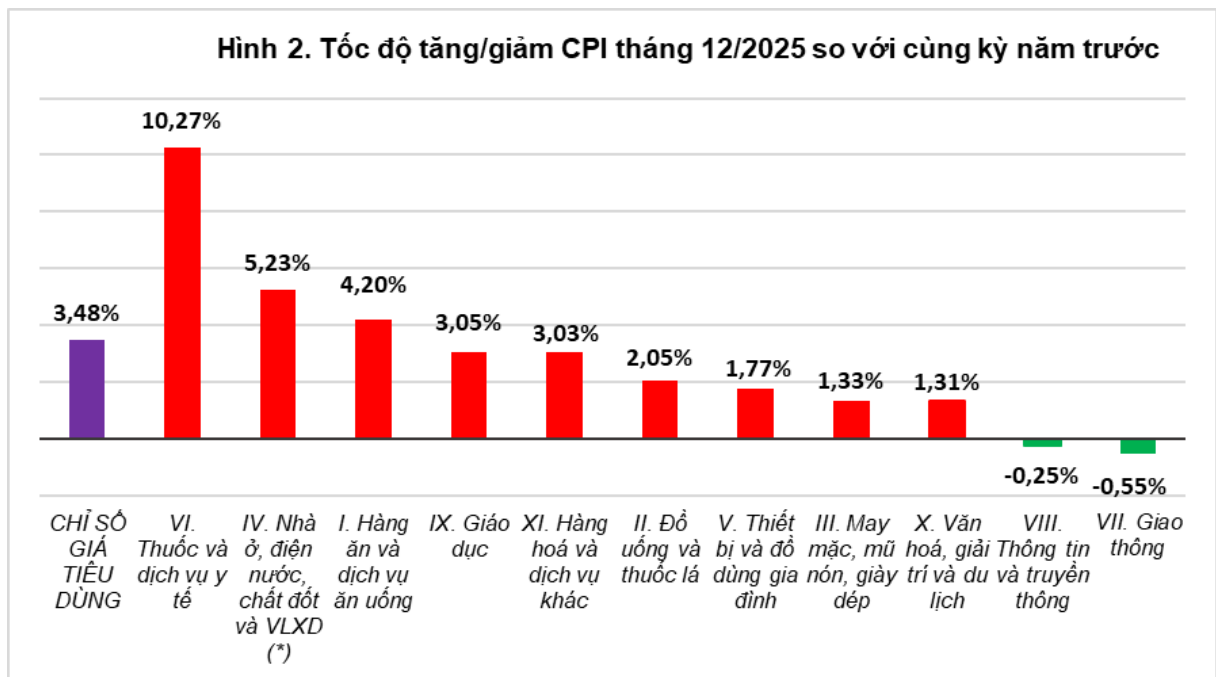
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,17%)

Giá đô la Mỹ trong nước tháng Mười Hai biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 29/12/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 98,31 điểm, giảm 1,33% so với tháng trước, chủ yếu do kỳ vọng điều chỉnh chính sách tiền tệ của Mỹ, lạm phát có xu hướng hạ nhiệt, và sự phục hồi của các đồng tiền chủ chốt khác, qua đó tạo áp lực giảm giá lên đồng USD trên thị trường quốc tế. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2025 tăng 0,17% so với tháng trước; tăng 3,68% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,92%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 12 từ năm 2021 đến năm 2025

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
CPI tháng 12 so với tháng trước	- 0,18	-0,01	0,12	0,29	0,19
CPI tháng 12 so với cùng kỳ năm trước	1,81	4,55	3,58	2,94	3,48
CPI bình quân năm so với năm trước	1,84	3,15	3,25	3,63	3,31

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 12/2025 tăng 3,48%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 12/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 10,27%, làm CPI chung tăng 0,48 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế tăng theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế điều chỉnh lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,23%, tác động làm CPI chung tăng 1,19 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do giá thuê nhà, vật liệu bảo dưỡng nhà ở và dịch vụ sửa chữa đều tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,2% tác động làm CPI chung tăng 1,5 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm thực phẩm tăng 5,18%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,21%.

- Nhóm giáo dục tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ban hành 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,31% làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm, chủ yếu do nhu cầu du lịch tăng cao cùng với chi phí vận chuyển, lưu trú và các dịch vụ giải trí đồng loạt tăng trong mùa cao điểm.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,05%, tác động làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,77%, tác động làm tăng 0,09 điểm phần trăm; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,33%, tác động làm tăng 0,05 điểm phần trăm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,03%, tác động làm tăng 0,11 điểm phần trăm.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm giao thông giảm 0,55% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm; nhóm thông tin và truyền thông tháng giảm 0,25% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm giảm 0,01 điểm phần trăm do giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng và phụ kiện giảm khi cạnh tranh giữa các hãng sản xuất gia tăng, công nghệ sản xuất cải tiến làm giảm chi phí, cùng với các chương trình giảm giá và khuyến mại kích cầu tiêu dùng.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ IV NĂM 2025

Chỉ số giá tiêu dùng quý IV/2025 tăng 3,44% so với cùng kỳ năm 2024.

1. Yếu tố làm tăng CPI trong quý IV năm 2025

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân quý IV/2025 tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm tăng CPI chung 1,14 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 3,65%, tác động làm tăng CPI 0,82 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 4,07%, làm tăng CPI chung 0,38 điểm phần trăm do nhu cầu tăng, giá nguyên liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,91% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm tăng CPI chung 1,34 điểm phần trăm, trong đó chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 7,47%; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,64% do nhu cầu sử dụng tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,17% so với cùng kỳ năm trước do một số trường dân lập, tư thục tăng học phí năm học mới 2025-2026, tác động làm tăng CPI chung 0,19 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 11,84%, tác động làm tăng CPI 0,55 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,58%, tác động làm CPI tăng 0,05 điểm phần trăm do nhu cầu du lịch trong dịp lễ tăng, kéo theo giá dịch vụ lưu trú, giải trí tăng.

- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,05%, chủ yếu do giá đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước cùng với giá đồ dùng cá nhân tăng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,18%, góp phần làm CPI tăng 0,02 điểm phần trăm.

2. Yếu tố làm giảm CPI trong quý IV/2025

- Chỉ số giá nhóm lương thực quý IV/2025 giảm 1,38% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm giảm CPI chung 0,06 điểm phần trăm chủ yếu do giá gạo giảm theo giá thế giới.

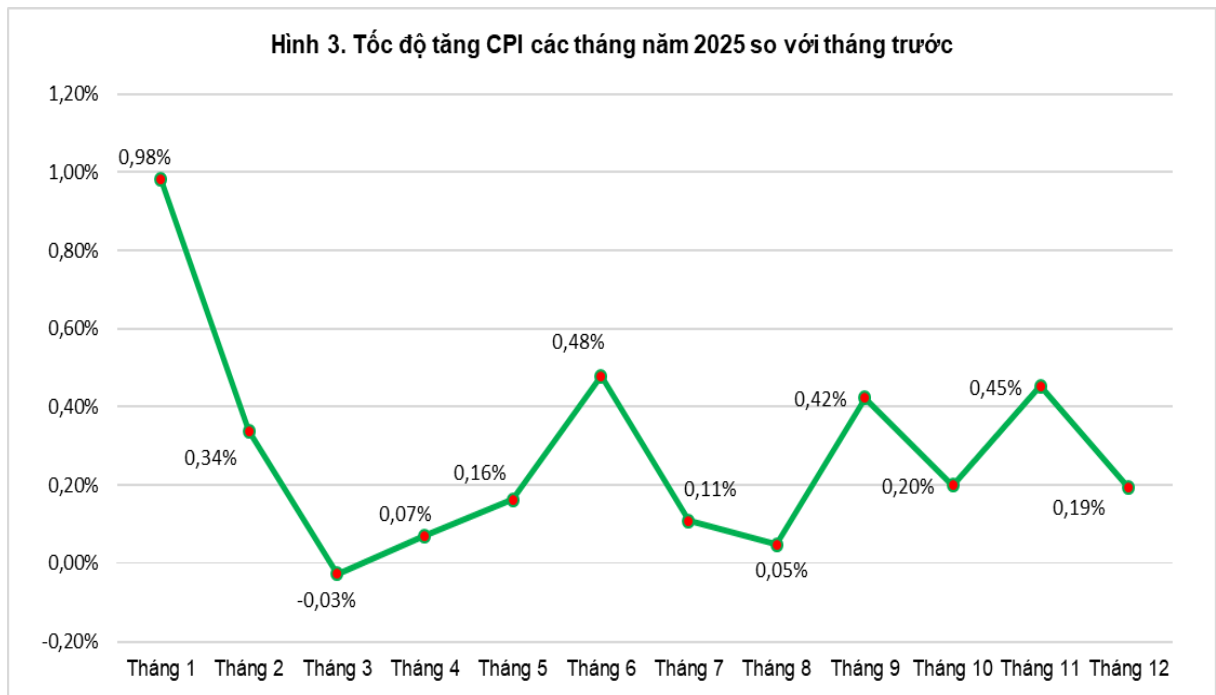
- Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,37% do giá điện thoại thể hệ cũ giảm, tác động làm CPI giảm 0,01 điểm phần trăm.

IV. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG NĂM 2025

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI năm 2025 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

1. Diễn biến giá tiêu dùng các tháng năm 2025

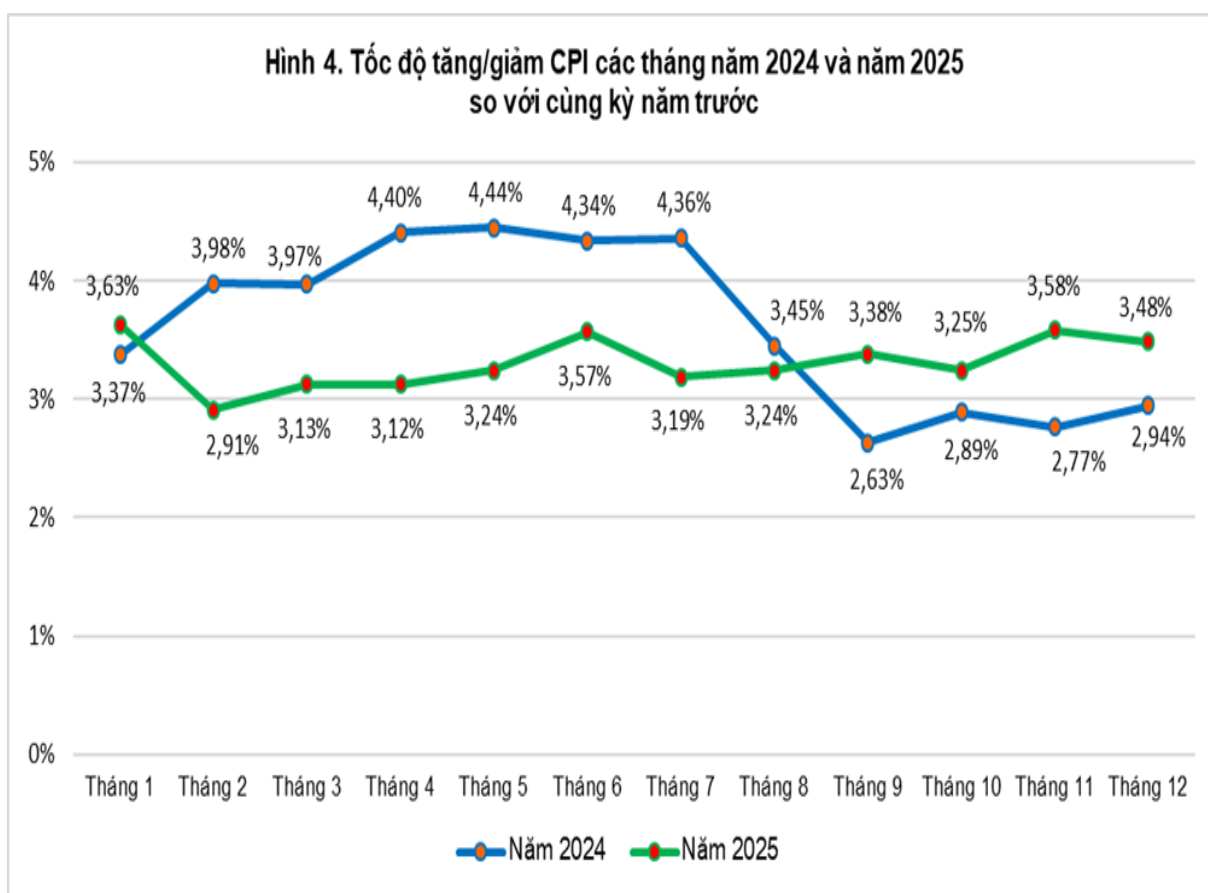
1.1. Diễn biến CPI các tháng năm 2025 so với tháng trước



Trong năm 2025, CPI có 11 tháng tăng và 01 tháng giảm so với tháng trước, chịu tác động bởi quy luật tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, ảnh hưởng của giá thế giới (gạo, gas đun, xăng dầu) và giá trong nước (thịt lợn, điện sinh hoạt, vật liệu bảo dưỡng nhà ở, nhà ở thuê). Cụ thể, CPI tháng Một tăng cao nhất với mức 0,98% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế và là tháng có Tết Nguyên

đán Ất Tỵ nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ, đi lại của người dân tăng cao. Sang tháng 2/2025, CPI tăng 0,34% do giá thịt lợn tăng khi thiếu hụt nguồn cung, giá nhà ở thuê tăng khi lượng lớn lao động trở lại thành phố tìm việc sau Tết Nguyên đán. Tháng 3/2025, CPI giảm 0,03% do giá gạo và xăng, dầu giảm. Từ tháng 4/2025 đến tháng 12/2025, CPI duy trì xu hướng tăng, với mức lần lượt là 0,07%; 0,16%; 0,48%; 0,11%; 0,05%; 0,42%; 0,2%; 0,45% và 0,19%, chủ yếu do giá thuê nhà, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình, điện sinh hoạt và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Trong năm 2025, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,28% so với tháng trước.

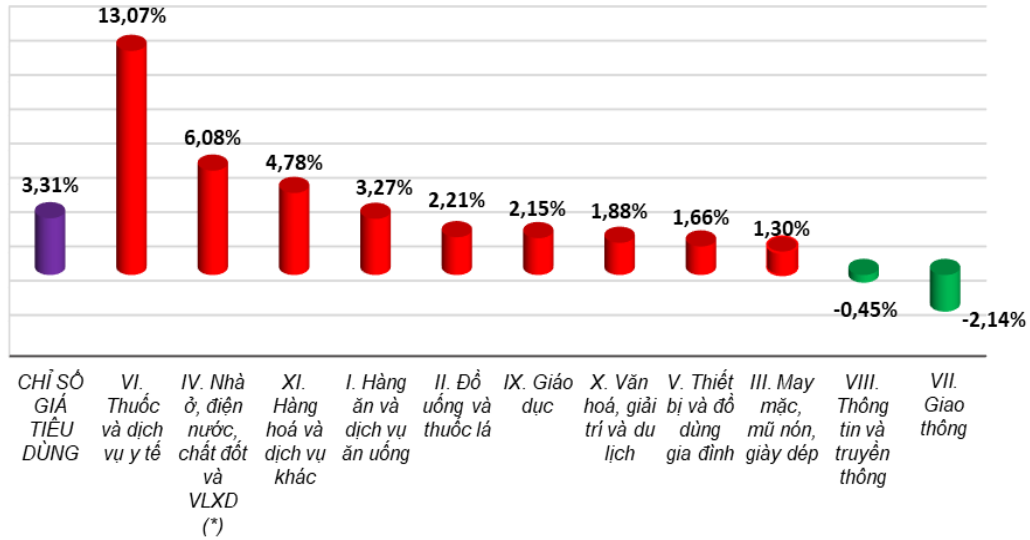
1.2. Diễn biến CPI các tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2025 tăng cao nhất với 3,63%, tháng 02/2025 tăng thấp nhất với 2,91%, từ tháng 3 đến tháng 12/2025 mức tăng so với cùng kỳ năm trước tương ứng là 3,13%; 3,12%; 3,24%; 3,57%; 3,19%; 3,24%, 3,38%; 3,25%; 3,58% và 3,48%. Tính chung năm nay, CPI tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT của Bộ Y tế; giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng giá do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao và thiên tai làm ảnh hưởng tới nguồn cung hàng hóa; giá dịch vụ giáo dục tăng do một số trường đại học, trung học dân lập, mầm non tư thục điều chỉnh mức học phí cho năm học 2025-2026.

2. Yếu tố làm tăng CPI trong năm 2025

Hình 5. Tốc độ tăng/giảm CPI bình quân năm 2025 so với năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,27%, tác động làm CPI chung tăng 1,17 điểm phần trăm, trong đó nhóm thực phẩm tăng 3,61%, tác động làm CPI chung tăng 0,8 điểm phần trăm, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,81%; nhóm lương thực tăng 0,17%.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,08%, làm CPI chung tăng 1,38 điểm phần trăm do giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 7,2% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân vào ngày 11/10/2024 và ngày 10/5/2025.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,07%, làm CPI chung tăng 0,61 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 2,15%, làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm do một số trường đại học, trung học dân lập, mầm non tư thục điều chỉnh học phí.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,66%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,78%, làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.

3. Yếu tố làm giảm CPI trong năm 2025

- Chỉ số nhóm giao thông giảm 2,14%, tác động làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm, trong đó giá xăng giảm 8,53%.

- Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,45%, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

V. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản² tháng 12/2025 tăng 0,23% so với tháng trước và tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Mười Hai và bình quân năm từ năm 2021 đến năm 2025

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Lạm phát cơ bản tháng 12 so với tháng trước	0,16	0,33	0,17	0,25	0,23
Lạm phát cơ bản tháng 12 so với cùng kỳ năm trước	0,67	4,99	2,98	2,85	3,27
Lạm phát cơ bản bình quân năm so với năm trước	0,81	2,59	4,16	2,71	3,21

CỤC THỐNG KÊ

² CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.